TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2017/ HSST
Ngày: 01/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Đức Cường

2. Ông Triệu Quang Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Khuyến - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Ma Thị Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/ HSST ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H *(Tên gọi khác không)* sinh ngày 18 tháng 01 năm 1982. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở tại: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Nguyễn Văn H và con bà Nông Thị N. Vợ: Hoàng Thị T; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án: 03 (Ba), ngày 27/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 12/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 23/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại**:

1. Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1989; Trú tại: Tổ M, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

2. Anh Nông Văn C – sinh năm 1988; Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Anh Đinh Quang C – sinh năm 1985. Trú tại: Xóm Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Anh Phan Văn N – sinh năm 1977. Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Anh Đào Trọng C – sinh năm 1987; Trú tại: Tiểu Khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

*** Những người làm chứng:**

- Anh Trần Ngọc A – sinh năm 1987; Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Anh Triệu Quang D – sinh năm 1986; Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

- Anh Sầm Văn Q – sinh năm 1980; Trú tại: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

- Chị Vũ Thị Khảm – sinh năm 1970; Trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian từ ngày 26/6/2017 đến ngày 29/6/2017, Nguyễn Văn H đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

- ***Vụ án thứ nhất***: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/6/2017, Nguyễn Văn H đi bộ từ Trung tâm y tế huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến ngồi uống nước tại quán của chị Nguyễn Thị T. Đến khoảng 09 giờ 55 phút cùng ngày, H hỏi chị T: "Em có tiền không cho anh vay ?", T trả lời: "Em không có tiền đâu". Khi đó, H nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ; BKS: 20B1-561.61 của chị T đang dựng ở gần quán nên đã hỏi T: "Cho anh mượn xe đi 15 phút có việc nhé, xong anh trả ngay", chị T đồng ý, sau đó H điều khiển xe đến quán nước ở gần cổng Trung tâm y tế huyện C ngồi chơi. Tại đây, H nảy sinh ý định bán xe mô tô của chị T để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Nguyễn Văn H một mình điều khiển xe mô tô của chị T đi đến huyện Đ, tỉnh Thái

Nguyên để tìm chỗ bán xe. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Văn H đến gara sửa chữa ô tô Trung T bán chiếc xe mô tô cho anh Trần Ngọc A, nhưng anh A không mua. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến quán sửa chữa và mua bán xe máy cũ của anh Đinh Quang C và bán cho anh C chiếc xe trên với giá 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền bán xe H đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua chiếc xe mô tô trên với Nguyễn Văn H, anh Đinh Quang C đã bán lại cho anh Phan Văn N với giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 11/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn đã tạm giữ chiếc xe mô tô để phục vụ cho quá trình điều tra.

- ***Vụ án thứ hai***: Khoảng 21 giờ ngày 28/6/2017, Nguyễn Văn H đang ngồi tại bàn uống nước trong quán Karaoke Sinh H thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì có anh Triệu Quang D vào ngồi cùng bàn, giữa H và anh D không có quan hệ quen biết. Khoảng 30 phút sau, anh D đi ra cổng đón bạn là anh Nông Văn C và anh Sầm Văn Quang rồi cả ba người cùng ngồi uống bia ở bàn mà H đang ngồi. Sau đó, anh D đi vào phòng hát Karaoke, còn H, anh C và anh Q vẫn ngồi tại phòng khách. Lúc này, H tự ý cầm chùm chìa khóa của anh C mà trước đó anh C đặt ở trên bàn, anh C không thấy chùm chìa khóa nên đã hỏi: "Chìa khóa xe đâu?", H nói: "Tao mượn để khều móng tay tí" và C đồng ý cho mượn. Khi đó, H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh C, lợi dụng lúc anh C và anh Q không để ý, H cầm chìa khóa và đi đến vị trí chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng – đen – bạc, BKS 22F1-179.90 của anh C, cắm chìa khóa vào ổ khóa, rồi quay đầu xe, ngồi lên yên xe và trôi xe ra đến đường mới nổ máy điều khiển xe theo hướng đi huyện Ba Bể. Đến sáng ngày 29/7/2017, Nguyễn Văn H đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Đào Trọng C với giá tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Sau khi bán được xe, H đã sử dụng số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện mất xe máy, ngày 26/6/2017 và 29/6/2017 chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn C đã có đơn trình báo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản kết luận định giá số 22/HĐ-ĐGTS ngày 07/7/2017 và bản kết luận định giá số 23/HĐ-ĐGTS ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn kết luận:

- *Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ; BKS 20B1-561.61 của chị Nguyễn Thị T tại thời điểm ngày 26/6/2017 có giá 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng).*

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, xe màu sơn trắng – đen – bạc, BKS 22F1-179.90 của anh Nông Văn C tại thời điểm ngày 28/6/2017 có giá 17.767.200đ (Mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Tại bản cáo trạng số: 40/KSĐT - TA ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 138/BLHS và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 140/BLHS.

Điều 138 có nội dung quy định như sau:

1, Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)…….

c) Tái phạm nguy hiểm"

Tại Điều 140 Bộ Luật hình sự quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)…….

đ) Tái phạm nguy hiểm".

Tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 50/BLHS: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 60 tháng đến 72 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Trọng C số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án**.**

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, phù hợp với các lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/6/2017, tại Tổ M, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn H đã lợi dụng sự tin tưởng của chị Nguyễn Thị T rồi chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 20B1-561.61 của chị T mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại thời điểm đó chiếc xe mô tô có giá trị là 8.300.000đ (Tám

triệu ba trăm nghìn đồng). Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 28/6/2017, tại quán karaoke Sinh H (thuộc thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn), lợi dụng lúc anh Nông Văn C không để ý, H đã trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 22F1-179.90 của anh C, tại thời điểm bị mất chiếc xe có giá là 17.767.200đ (Mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm đồng). Bản thân bị cáo Nguyễn Văn H có 03 tiền án chưa được xóa án tích. Ngày 23/4/2015 Nguyễn Văn H đã bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết tăng nặng là "Tái phạm", chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, do vậy lần phạm tội này đối với bị cáo Nguyễn Văn H thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Như vậy có đủ cơ sở pháp lý khẳng định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 140 và điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý và sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu, bị cáo có 03 tiền án, ngày 27/10/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 12/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", Ngày 23/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đều theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Do tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cho nên cần phải có thời gian cải tạo đối với bị cáo, mới giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, người bị hại anh Nông Văn C không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T là bị hại trong vụ án, tại phiên tòa chị có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra vụ án chị T có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng), trong đó 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là tiền mà ngày 11/7/2017 chị T đã thanh toán cho anh Phan Văn N tiền

mua xe từ anh Đinh Quang C; còn 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền chị T bỏ ra để đi lại, ăn uống trong quá trình tìm xe mô tô bị mất và tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho chị Nguyễn Thị T, xét thấy đối với yêu cầu bồi thường của chị Nguyễn Thị T là các yêu cầu chính đáng, đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H cũng nhất trí đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Đối với yêu cầu của anh Đào Trọng C là người có quyền lợi liên quan trong vụ án, tại phiên tòa anh Đào Trọng C có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình điều tra vụ án anh C có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà anh bỏ ra để mua chiếc xe mô tô BKS 22F1-179.90, đây là yêu cầu chính đáng và tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho anh Đào Trọng C, cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Trọng C số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án cơ quan điều tra có thu giữ 1 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ; BKS: 20B1-561.61 (kèm chìa khóa); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, xe màu sơn trắng – đen – bạc, BKS 22F1-179.90 (kèm chìa khóa) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của anh Nông Văn C, trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn C.

Đối với anh Đinh Quang C là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 20B1-561.61 với Nguyễn Văn H, nhưng khi mua anh Đinh Quang C không biết chiếc xe trên là xe do Nguyễn Văn H phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Đinh Quang C.

Đối với anh Phan Văn N, người đã mua lại chiếc xe mô tô BKS 20B1-561.61 từ anh Đinh Quang C, do hai người có quen biết nhau và cùng kinh doanh, đồng thời anh Phan Văn N không biết chiếc xe mô tô nói trên là xe do phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Phan Văn N.

Đối với anh Đào Trọng C là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 22F1-179.90 với Nguyễn Văn H, nhưng khi mua xe anh Đào Trọng C không biết chiếc xe là xe do phạm tội mà có. Ngày 03/7/2017, anh Đào Trọng C đã trình báo và đã giao nộp chiếc xe mô

tô nói trên cho cơ quan điều tra. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với anh Đào Trọng C.

Trong quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Văn H khai số tiền có được từ việc bán 02 chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn C, Nguyễn Văn H đã dùng số tiền trên để mua ma túy về sử dụng. Tuy nhiên, lời khai của Nguyễn Văn H không có đủ cơ sở để xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội " Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H: 30 (Ba mươi) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H: 30 (Ba mươi) tháng tù, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

* Áp dụng Điều 50/BLHS: Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 60 (Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và điều 589 Bộ luật dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đào Trọng C số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án**.**

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ án phí HSST và 800.000đ tiền án phí dân sự có giá ngạch.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS h CĐồn : 2
- CA h CĐồn 2
- CCTHADS hCĐ : 1
- TA Tỉnh: 1
- Bị cáo 1
-Ngbị hại, NCQLLQ 4
- Sở Tư pháp tỉnh 1
- Lưu hồ sơ 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Phạm Thế Hùng